

## 医療機関を受診するとき

日ごろから相談できるかかりつけの医師を家の近所に見つけておきましょう。宗教上の理由で日常生活や治療について制限がある場合やアレルギー体質の場合、診療の前に受付や看護師に伝えましょう。

### 受診に必要な物

- 国民健康保険証又は健康保険証（なければ全額自費扱いになります。）
- 身分証明書（国民健康保険証等のない場合）
- 現金（ほとんどの医療機関では、支払いは日本円の現金に限られます。）
- 住所、電話番号、症状などのメモ
- すでに服用している薬があればその実物

### 診察時間

外来患者の診療時間は、病院によって異なりますが、午後や土曜日は休むところがあります。日曜日や休日はほとんどが休診です。

（時間外診療や緊急時の受診については、p5を参照。）

時間や診療科目、予約できるかどうかなど、病院に行く前にあらかじめ電話で確認しておくといでしょう。

## Khám y tế

Bạn hãy tìm gần nhà mình một bác sĩ mà bạn có thể nhờ tư vấn. Nếu bạn bị dị ứng hoặc có những hạn chế về khám và điều trị cũng như sinh hoạt hàng ngày vì lý do tôn giáo thì hãy nói trước với nhân viên tiếp tân hoặc y tá trước khi khám.

### Các thứ cần mang theo

- Thẻ bảo hiểm sức khỏe quốc dân hoặc thẻ bảo hiểm (không có nó bạn phải trả toàn bộ chi phí)
- Chứng minh thư (nếu bạn không có Thẻ bảo hiểm sức khỏe quốc dân)
- Tiền mặt (hầu hết các phòng khám sức khỏe chỉ chấp nhận trả tiền mặt là tiền Yên)
- Viết địa chỉ của bạn, số điện thoại và những triệu chứng bệnh lên giấy.
- Trường hợp đang sử dụng thuốc, hãy cho xem loại thuốc bạn đang dùng.

### Thời gian khám bệnh

Thời gian khám bệnh cho bệnh nhân ngoại trú là khác nhau giữa các bệnh viện, nhiều nơi đóng cửa vào các buổi chiều hoặc các ngày thứ Bảy. Hầu hết là đóng cửa vào Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ.

(Xem trang 5 về các thông tin liên quan đến giờ khám bệnh và cấp cứu).

Nên điện thoại đến phòng khám trước khi đi để xác nhận thời gian, các khoa khám bệnh, và có thể đặt hẹn được không.

## 初診のときの流れ

【受付】受診申込書に記入して、国民健康保険証等を提出し、症状に適した受診科を案内してもらいます。

【受診】必要に応じて検査や処置が行われます。わからないことや不安なことは些細なことでも医師や看護師に確認しましょう。

【会計】診察が終わったら、会計を済ませます。領収書を受け取り、保管しておきましょう。国民健康保険等に入っていない場合は、全額自己負担になり、高額になります。また、次回からの診察に使う診察券（カード）を受け取りましょう。

【薬局】薬局が病院の外にある場合は、処方箋を提出し薬をもらいます。薬代は薬局で別に現金で支払います。

### 注意事項

- 日本語に不安がある場合は、誰か通訳できる人と同行しましょう。
- 医療機関内では、携帯電話の電源は切ってください。
- 医療ソーシャルワーカー(\*)がいる場合には、費用や日本の制度のことについては、相談できます。

## Qui trình khám bệnh lần đầu

【Đăng kí】 Điền vào giấy đăng ký khám, đưa thẻ bảo hiểm y tế quốc dân, và nhận sự hướng dẫn đến đúng phòng khám phù hợp.

【Khám bệnh】 Bác sỹ sẽ kiểm tra và điều trị nếu cần thiết. Hỏi bác sỹ hoặc y tá nếu cảm thấy lo lắng hoặc không chắc chắn về bất cứ việc gì.

【Thanh toán tiền】 Thanh toán tiền sau khi khám bệnh. Giữ lại hóa đơn của bạn. Không có thẻ bảo hiểm sức khỏe quốc dân, bạn sẽ phải trả toàn bộ, và rất đắt tiền. Ngoài ra, bạn sẽ nhận được một thẻ khám bệnh dùng cho lần khám tiếp theo.

【Hiệu thuốc】 Nếu hiệu thuốc ở bên ngoài phòng khám, bạn phải đưa đơn thuốc của bác sỹ và nhận thuốc. Tiền thuốc sẽ được tính riêng tại hiệu thuốc

### Các vấn đề chú ý

- Nếu bạn cảm thấy lo lắng về tiếng Nhật của mình thì đi cùng người phiên dịch của bạn đến phòng khám.
- Tắt nguồn điện thoại di động khi vào phòng khám.
- Nhân viên y tế xã hội (MSW)\* có thể tư vấn về chi phí và chế độ phúc lợi y tế ở Nhật Bản.

(\*) 医療ソーシャルワーカー (MSW) とは、病院、診療所等に勤務し、社会福祉の立場から、患者や家族の疾病に伴う経済的・心理的・社会的問題等の解決や調整を支援する人のことです。

\*MSW's là các nhân viên làm việc liên quan đến phúc lợi xã hội làm việc trong bệnh viện và phòng khám. Họ đưa ra những lời khuyên và cách giải quyết về tài chính, tâm lý và những vấn đề xã hội liên quan đến điều trị y tế của bệnh nhân và gia đình bệnh nhân.

### 国民健康保険等が効かないもの

次の場合は、国民健康保険等が使えません。

- 正常な妊娠・出産
- 経済上の理由による妊娠中絶
- 健康診断、人間ドック
- 予防接種
- 美容整形
- 歯列矯正
- 通勤途中や仕事上のけがや事故 (労災保険の対象となります。)
- 鍼、灸、マッサージ (医師が認めた場合は、保険診療の対象となることがあります。)
- 保険外診療の検査・手術・治療や薬
- 入院時の差額ベッド代、食事代など

### Điều trị không được chi trả bởi bảo hiểm sức khỏe quốc dân

Điều trị sau đây là không được chi trả bởi bảo hiểm sức khỏe quốc dân

- Có thai và sinh một cách bình thường
- Phá thai vì lý do kinh tế
- Kiểm tra sức khỏe hoặc khám sức khỏe thông thường.
- Tiêm phòng
- Phẫu thuật thẩm mỹ
- Chỉnh răng
- Bị thương do tai nạn ở nơi làm việc hoặc trên đường đi làm (được chi trả bởi Bảo hiểm tai nạn lao động).
- Châm cứu, kyú (đốt da), mát xa (ngoại trừ khi được bác sĩ yêu cầu, trong trường hợp này có thể được chi trả)
- Khám và điều trị, phẫu thuật, thuốc ngoài qui định của bảo hiểm
- Chí phí giường/phòng và ăn uống vượt quá mức cho phép khi nhập viện.

### 入院するとき

入院しなければならないとき、一般的には、入院日時・必要な持ち物・入院保証書

- (\*) 注意事項など事前に説明されます。
- (\*) 入院保証書には、入院費用の支払いを保証する連帯保証人が必要です。連帯保証人になれるのは、患者本人とは別世帯の支払い能力のある成人に限られます。

### 手続き

- 入院申込書に記入します。
- 必要なもの (国民健康保険証等、診察券、入院保証書、保証金など) を提出します。

### 入院中

- 必要な場合は、栄養士 (看護師) に、食事習慣や宗教的なことなどを話しておきます。
- 手術のときは、事前に医師の説明があり、意思確認のため、手術同意書にサインを求められます。

### 退院

- 入院費用を精算して、退院します。

### Nhập viện

Khi phải nhập viện, nhìn chung các vấn đề sau cần phải biết: ngày giờ nhập viện, vật dụng cần thiết để mang theo, giấy bảo lãnh nhập viện.

\* Những vấn đề chú ý thường được hướng dẫn trước.

\* Trong giấy bảo lãnh nhập viện, cần có người bảo lãnh để đảm bảo rằng viện phí sẽ được trả.

Người này phải là người trưởng thành, có khả năng chi trả viện phí và không là thành viên của gia đình bệnh nhân.

### Thu tục

- Hoàn thành mẫu đơn nhập viện
- Nộp thẻ bảo hiểm của bạn, giấy khám bệnh, bảo lãnh nhập viện, tiền đặt cọc và những giấy tờ được yêu cầu khác.

### Khi đang nhập viện

- Báo cho người cấp dưỡng (hoặc y tá) về thói quen ăn uống, các vấn đề có liên quan đến văn hóa hoặc tôn giáo.
- Nếu phải phẫu thuật, bác sỹ sẽ giải thích cho bạn trước. Sau đó, bạn sẽ ký vào giấy bảo đảm nếu bạn đồng ý phẫu thuật.

### Xuất viện

- Trả tiền viện phí và xuất viện